

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đăng Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Lầy
2. Ông Nguyễn Công Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Thế Thành-Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 999/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Kim L; địa chỉ: Số 29/35 đường T, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Xuân D; địa chỉ: Số 29/35 đường T, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn và Bản tự khai ngày 10/11/2021, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Kim L (chị L) trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Xuân D kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận K, Hải Phòng ngày 08/8/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình chồng tại số 29/35 đường T, tổ G 3, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng, quá trình chung sống với nhau đến khoảng năm 2014 thì chị và anh D bắt đầu có những mâu thuẫn trong cuộc sống, nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong lối sống và cả những mâu thuẫn về mặt kinh tế gia đình.

Đỉnh điểm là đến đầu năm 2020 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng chị đã đưa con về nhà bố mẹ để sinh sống, anh D thường xuyên đến nhà bố mẹ để chị lấy có sinh sự, quây phá, do không còn chịu đựng được nên tháng 6/2020 chị đã làm đơn ra Tòa án nhân dân quận K để giải quyết ly hôn đối với anh D. Trong quá trình Tòa án giải quyết, do được hai bên gia đình cũng như cán bộ Tòa án động viên khuyên giải nên tháng 9/2020 chị đã rút đơn để vợ chồng về cùng nhau cố gắng xây dựng hạnh phúc để nuôi dạy con cái. Mặc dù chị cũng đã cố gắng nhưng mâu thuẫn của vợ chồng chị không những không cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Nay chị L xét thấy anh chị sống chung cũng không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Xuân D. Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Bùi Xuân D, sinh ngày 27/02/2015 và Bùi Khánh L, sinh ngày 05/12/2017, ly hôn chị L nhận nuôi con Bùi Khánh L và đề nghị Tòa án giao cháu Bùi Xuân D cho anh D nuôi dưỡng, trường hợp anh D không có ý kiến gì hoặc không đồng ý nuôi cháu D thì chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Xuân D vắng mặt nên không có lời khai. Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại các Biên bản xác minh cũng như Đơn đề nghị của gia đình nơi chị L và anh D cư trú cung cấp về tình trạng, mức độ mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã xảy ra cách đây nhiều năm, mâu thuẫn xảy ra thường xuyên, đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong đơn, anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho chị Hoàng Thị Kim L được ly hôn với anh Bùi Xuân D. Về con chung: Giao cả hai con chung là Bùi Xuân D, sinh ngày 27/02/2015 và Bùi Khánh L, sinh ngày 05/12/2017 cho chị L nuôi dưỡng. Về án phí, chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L có đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh D. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh D là bị đơn trong vụ án hiện trú tại: Số 29/35 đường T, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b, Khoản 2, Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh D.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phù Liễn, K, Hải Phòng ngày 08/8/2012. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị L và anh D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Lờ trình bày của chị L và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã diễn ra từ lâu, nguyên nhân do mâu thuẫn về tình cảm cũng như kinh tế. Năm 2020 chị L đã gửi đơn ra Tòa án đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh D, sau khi được gia đình 2 bên cũng như cán bộ Tòa án động viên khuyên giải, tháng 9/2020 chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau cố gắng để nuôi dạy con cái, tuy nhiên kể từ sau khi rút đơn đến nay mâu thuẫn của anh chị không những không cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị L được ly hôn anh D.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị Kim L và anh Bùi Xuân D có 02 con chung là Bùi Xuân D, sinh ngày 27/02/2015 và Bùi Khánh L, sinh ngày 05/12/2017. Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai chị L thể hiện nguyện vọng được nuôi cháu Khánh L và đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh D nuôi dưỡng, trường hợp anh D không có ý kiến gì thì chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng. Hiện tại cả hai cháu nhỏ đang ở cùng chị L, bản thân chị L đang làm Điều dưỡng tại Bệnh viện K, chị có thu nhập ổn định, việc chăm sóc các con của anh chị cũng được gia đình bên ngoại hỗ trợ, chăm sóc chu đáo, trong khi đó anh D không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tránh sự xáo trộn có thể ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu nhỏ, Hội đồng xét xử quyết định giao cả 02 con chung là Bùi Xuân D, sinh ngày 27/02/2015 và Bùi Khánh L, sinh ngày 05/12/2017 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Đây cũng là quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tại phiên tòa. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Kim L không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị Kim L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 233, Điều 238; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Kim L được ly hôn anh Bùi Xuân D.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Bùi Xuân D, sinh ngày 27/02/2015 và Bùi Khánh L, sinh ngày 05/12/2017 cho chị Hoàng Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Thu không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Kim L không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Kim L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003581 ngày 11/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Hoàng Thị Kim L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Xuân D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường P, K, HP (ngày ĐKKH 08/8/2012);
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đăng Trình